

Số: 2151 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 09 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm,
hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của
Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP
ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày
14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa;

Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai
đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng
sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Quyết định số 1162/QĐ-VPĐP-OCOP ngày 17 tháng 9 năm 2020
của Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương ban hành quy chế
quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm OCOP Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2004/TTr-SNNPTNT ngày 05 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương, Du lịch, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; các tổ chức, cá nhân có sản phẩm tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Thừa Thiên Huế và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng ĐPNMTM TW;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐPCTMTQGXDNTM tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, NN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Hải Minh

QUY CHẾ

Quản lý sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Kèm theo Quyết định số 2151 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý sản phẩm được đánh giá, xếp hạng từ 3 sao trở lên thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) thực hiện trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có sản phẩm OCOP được đánh giá, xếp hạng từ 3 sao trở lên (gọi tắt là chủ thể OCOP); cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM OCOP

Điều 3. Xây dựng và công bố quy trình sản xuất

1. Các chủ thể OCOP phải xây dựng quy trình sản xuất gắn với đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước và các quy định hiện hành. Tiếp tục đảm bảo duy trì các nội dung đã được Hội đồng đánh giá, xét công nhận sản phẩm OCOP các cấp công nhận, khuyến khích các chủ thể áp dụng các tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP ở mức độ cao hơn.

2. Quy trình sản xuất được xây dựng từ khâu nguyên liệu đầu vào, đến quá trình sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản và xuất bán ra thị trường; có hồ sơ ghi chép đầy đủ, chính xác từng lô hàng sản xuất và có phương án xử lý sản phẩm là phụ phẩm sau khi đã sản xuất.

3. Các chủ thể OCOP có trách nhiệm đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, quy định do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân sản xuất công bố áp dụng.

4. Chủ thể OCOP phải niêm yết công khai quy trình sản xuất tại vị trí dễ quan sát để thực hiện và thuận lợi cho người dân, cộng đồng kiểm tra giám sát.

Điều 4. Quản lý chất lượng nguyên liệu sản xuất

1. Nguyên liệu sản xuất đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, bảo quản theo đúng quy định của nhà nước.

2. Chủ thể OCOP có trách nhiệm quản lý nguyên liệu sản xuất đầu vào bằng việc thiết lập hệ thống sổ sách theo dõi, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu.

3. Theo dõi, đánh giá chất lượng nguyên liệu sản xuất sản phẩm, hàng hóa.

4. Phân loại và sơ chế nguyên liệu sản xuất đảm bảo nguyên liệu theo đúng quy trình sản xuất đã công bố đạt chất lượng cao nhất.

Điều 5. Kiểm soát quá trình sản xuất

Chủ thể OCOP thực hiện:

1. Kiểm soát chất lượng nguyên liệu sản phẩm, trang thiết bị và máy móc, nhân công, bao gói, ghi nhãn,... và các yếu tố có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất. Đảm bảo duy trì việc kiểm soát thường xuyên nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định hiện hành

2. Tăng cường tự kiểm soát, giám sát chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm theo chuỗi giá trị sản phẩm.

3. Vận hành chương trình giám sát và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Quy trình quản lý đảm bảo, thiết bị sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn quy định; kiểm soát chất lượng nguyên liệu, chất lượng bao bì sản phẩm OCOP chặt chẽ, nhằm đảm bảo tối đa chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Có kế hoạch đánh giá, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng sản phẩm OCOP, đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn nội bộ hoặc theo tiêu chuẩn đã công bố áp dụng.

6. Tự kiểm soát và đảm bảo môi trường theo quy định.

Điều 6. Tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm đối với sản phẩm thực phẩm

1. Đối với sản phẩm cơ sở sản xuất tự công bố

a) Áp dụng cho sản phẩm, thực phẩm được quy định tại Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ.

b) Hồ sơ, trình tự tự công bố sản phẩm thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ.

2. Đối với sản phẩm đăng ký bản công bố sản phẩm

a) Áp dụng cho sản phẩm, thực phẩm được quy định tại Điều 6 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ.

b) Hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ.

c) Trình tự đăng ký bản công bố thực hiện theo Điều 8 Chương III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ.

Điều 7. Công bố chất lượng sản phẩm không phải là thực phẩm

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện công bố hợp chuẩn hoặc phải công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 8. Quản lý chất lượng sản phẩm

1. Chủ thể OCOP có hệ thống kho bảo quản sản phẩm, hàng hóa, bảo quản nguyên liệu sản xuất đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm; có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm thường xuyên; có biện pháp xử lý kịp thời nếu phát hiện hàng hóa không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

2. Sản phẩm, hàng hóa trước khi đưa lưu thông trên thị trường phải phù hợp với chất lượng chủ thể OCOP đã đăng ký bản công bố hoặc tự công bố áp dụng

Điều 9. Kiểm tra chất lượng sản phẩm

1. Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra về chất lượng sản phẩm, hàng hóa tham gia Chương trình OCOP được UBND tỉnh phân công, việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra phải chấp hành đúng theo quy định của nhà nước về công tác kiểm tra.

2. Mỗi năm kiểm tra ít nhất một lần đối với sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân đã được công nhận sản phẩm OCOP nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Nội dung kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm OCOP theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm và các quy định hiện hành.

Điều 10. Thực hiện truy xuất nguồn gốc

1. Khi xảy ra sự cố gây mất an toàn thực phẩm hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc lô sản phẩm không đảm bảo chất lượng, Chủ thể OCOP, báo cáo kịp thời với cơ quan chức năng về nguồn gốc lô sản phẩm đó, phối hợp xác định rõ nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm để xử lý kịp thời, đảm bảo tránh gây hậu quả nghiêm trọng, những tổn thất không đáng có về sức khỏe, tính mạng và những thiệt hại về kinh tế của người tiêu dùng.

2. Việc thực hiện truy xuất nguồn gốc, thu hồi sản phẩm không đảm bảo an toàn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NHÃN HIỆU OCOP VIỆT NAM

Điều 11. Nhãn hiệu chứng nhận OCOP Việt Nam và điều kiện sử dụng

1. Nhãn hiệu chứng nhận: Là nhãn hiệu được đăng ký bảo hộ cho sản phẩm được công nhận OCOP của Việt Nam và các hoạt động liên quan theo quy định của pháp luật. Nhãn hiệu chứng nhận là biểu trưng của Chương trình OCOP, đồng thời là nhãn hiệu được sử dụng các sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP Việt Nam.

2. Sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận là sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm và được UBND huyện, thị xã và thành phố Huế công nhận đạt 3 sao, UBND tỉnh công nhận đạt 4 sao hoặc được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận đạt 5 sao theo quy định.

3. Quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận: Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận trên các văn bản, giấy tờ, phương tiện nhằm tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá Chương trình OCOP, sản phẩm OCOP Thừa Thiên Huế; gắn (in, dán, đúc, dập hoặc hình thức khác) nhãn hiệu chứng nhận đó trên sản phẩm, phương tiện kinh doanh sản phẩm và giấy tờ giao dịch nhằm mua, bán và quảng bá, giới thiệu sản phẩm đó.

Điều 12. Quy định sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

1. Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận là tự nguyện, không bắt buộc đối với các tổ chức, cá nhân có sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP Việt Nam.

2. Việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận trên nhãn hàng hóa, bao bì, phương tiện quảng bá, giới thiệu sản phẩm cho sản phẩm được chứng nhận sản phẩm OCOP phải thực hiện theo quy định sau:

a) Sản phẩm được công nhận 3 sao, 4 sao, 5 sao phải gắn số sao dưới nhãn hiệu chứng nhận, được quy định cụ thể về quy cách gắn sao tại Phụ lục số I kèm theo Quy chế này.

b) Nhãn hiệu chứng nhận phải được đặt ở vị trí trang trọng, dễ nhìn, dễ đọc trên nhãn hàng hóa, bao bì sản phẩm và các tài liệu, phương tiện khác có liên quan.

Điều 13. Quản lý việc sử dụng nhãn hiệu OCOP Việt Nam

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, xử lý việc quản lý, sử dụng nhãn hiệu chứng nhận OCOP Việt Nam trên địa bàn toàn tỉnh. Trong quá trình kiểm tra, giám sát nếu phát hiện các chủ thể OCOP, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiến nghị cấp thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ tối đa không quá 6 tháng hoặc thu hồi quyền sử dụng nhãn hiệu OCOP Việt Nam theo quy định.

Điều 14. Ghi nhãn sản phẩm OCOP**1. Vị trí nhãn sản phẩm OCOP**

- Nhãn sản phẩm OCOP phải được gắn trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của hàng hóa ở vị trí khi quan sát có thể nhận biết được dễ dàng, đầy đủ các nội dung quy định của nhãn mà không phải tháo rời các chi tiết, các phần của hàng hóa.

- Trường hợp không được hoặc không thể mở bao bì ngoài thì trên bao bì ngoài phải có nhãn và nhãn phải trình bày đầy đủ các nội dung bắt buộc.

2. Kích thước và nội dung của nhãn sản phẩm OCOP

Tổ chức và cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm OCOP ra thị trường phải đảm bảo thông tin viết trên nhãn phải dễ đọc bằng mắt thường. Nội dung của nhãn và nhãn phụ (nếu có) phải trung thực, rõ ràng, chính xác và phản ánh đúng tính năng của sản phẩm.

3. Màu sắc của chữ, chữ số, chỉ dẫn địa lý, hình ảnh, dấu hiệu, ký hiệu trình bày trên nhãn sản phẩm OCOP phải rõ ràng. Màu sắc của chữ và số phải tương phản với nền của nhãn.

4. Tên sản phẩm, thành phần nguyên liệu, tên nước sản xuất, tên và địa chỉ của tổ chức hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường.

5. Định lượng thể hiện bằng khối lượng tịnh hoặc thể tích thực, theo hệ mét hoặc hệ đo lường Việt Nam.

6. Số lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng phải được thể hiện một cách rõ ràng (ví dụ: ngày/tháng/năm), hướng dẫn sử dụng.

7. Nội dung, cách ghi nhãn hàng hóa đáp ứng quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

CHƯƠNG IV

THU HỒI CHỨNG NHẬN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Thu hồi chứng nhận sản phẩm OCOP

Đối với các sản phẩm OCOP, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xem xét và kiến nghị cấp có thẩm quyền thu hồi chứng nhận khi vi phạm một trong các nội dung sau:

1. Không thực hiện đúng Quy trình sản xuất đã công bố; ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, không có khả năng khôi phục sản xuất kinh doanh.

2. Sản xuất không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Sản xuất, mua bán sản phẩm OCOP đã hết hạn sử dụng, đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấm lưu thông.

4. Sản xuất, mua bán, trao đổi, tiếp thị sản phẩm OCOP không bảo đảm các tiêu chuẩn đã công bố hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; cố tình cung cấp sai hoặc giả mạo kết quả thử nghiệm, kiểm tra, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm OCOP.

5. Thông tin, quảng cáo sai sự thật hoặc có hành vi gian dối về chất lượng sản phẩm, về nguồn gốc và xuất xứ sản phẩm OCOP, không xuất trình được hồ sơ lưu quá trình sản xuất khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

6. Sản phẩm cung cấp ra thị trường có sử dụng tem OCOP nhưng không đúng với chất lượng của sản phẩm đã được đánh giá, phân hạng và công nhận; Sản phẩm không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ, không xuất trình được hồ sơ lưu quá trình sản xuất khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

7. Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận OCOP không đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 12 của Quy chế này.

Điều 16. Xử lý vi phạm

1. Chủ thể OCOP vi phạm các quy định tại Quy chế này sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm của các chủ thể có sản phẩm OCOP, UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế xem xét quyết định thu hồi hoặc trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thu hồi Quyết định công nhận sản phẩm OCOP đạt hạng sao đối với sản phẩm vi phạm.

CHƯƠNG V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan chức năng

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Là cơ quan thường trực, đầu mối chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy chế về quản lý sản phẩm OCOP; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên lĩnh vực nông nghiệp

b) Hằng năm, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu UBND tỉnh thành lập đoàn liên ngành kiểm tra các sản phẩm đạt chuẩn OCOP đã được công nhận, tham mưu UBND tỉnh xem xét, thu hồi giấy chứng nhận đạt chuẩn đối với các cơ sở thực hiện không đảm bảo quy định của Quy chế này.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy trình sản xuất, chế biến gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường đối với sản phẩm OCOP; kiểm tra công tác chỉ đạo, hướng dẫn của UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế đối với cơ sở về thực hiện quy trình sản xuất (phát hiện những khó khăn, vướng mắc,...), kịp thời tham mưu, đề xuất giải pháp tháo gỡ.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quy chế này tại các địa phương, cơ sở.

2. Sở Y tế

a) Tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý quy định tại Điều 37 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; sản phẩm dược liệu và sản phẩm từ dược liệu.

b) Tiếp nhận hồ sơ tự công bố, công bố sản phẩm thanh kiểm tra và xử lý sự cố an toàn thực phẩm được quy định tại Điều 3 Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh phân cấp thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và quản lý hồ sơ, cấp Giấy tiếp nhận đăng ký công bố sản phẩm, Giấy xác nhận nội dung quảng cáo; tiếp nhận Bản tự công bố sản phẩm trên địa bàn tỉnh và các văn bản quy định tiếp nhận công bố sản phẩm được liệu và sản phẩm từ được liệu.

c) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của chủ thể OCOP, các tổ chức, cá nhân có liên quan và giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm trên lĩnh vực được giao.

3. Sở Công Thương

a) Tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về sản phẩm OCOP thuộc phạm vi quản lý của ngành đối với nhóm đồ ăn nhanh; sản phẩm đồ uống (trừ nước khoáng thiên nhiên, nước uống tinh khiết); sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

b) Hướng dẫn chủ thể OCOP triển khai thực hiện các tiêu chí có liên quan để phát triển sản phẩm; tham gia đánh giá nâng hạng sản phẩm thuộc lĩnh vực ngành phụ trách.

c) Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm OCOP thông qua các hội chợ, triển lãm, diễn đàn,... trong và ngoài tỉnh, kể cả nước ngoài.

d) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của chủ thể OCOP, các tổ chức, cá nhân có liên quan và giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm.

4. Sở Du lịch

a) Hỗ trợ công tác quảng bá, giới thiệu, xúc tiến du lịch sản phẩm OCOP tại các hội chợ, triển lãm, diễn đàn,... trong nước và quốc tế theo chức năng, nhiệm vụ của ngành đối với Sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch.

b) Phối hợp với phòng Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố Huế hướng dẫn chủ thể OCOP hoàn thiện hồ sơ nâng hạng sản phẩm, triển khai thực hiện các tiêu chí có liên quan để phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của chủ thể OCOP, các tổ chức, cá nhân có liên quan và giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm trên lĩnh vực được giao.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; hỗ trợ, hướng dẫn chủ thể OCOP trong việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

b) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình OCOP hoàn thiện hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý; đăng ký sử dụng mã số, mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; ghi nhãn sản phẩm, hàng hóa đúng quy định.

c) Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, triển khai các nội dung của Đề án 100 của Chính phủ và Kế hoạch số 235/KH-UBND của UBND tỉnh; phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản quản lý có liên quan và tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn quốc gia về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa đối với các cơ sở có sản phẩm tham gia Chương trình OCOP trên địa bàn toàn tỉnh.

d) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các đơn vị sản xuất sản phẩm, hàng hóa OCOP; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên lĩnh vực được giao.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản quản lý về bảo vệ môi trường cho chủ thể OCOP.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các chủ thể OCOP theo thẩm quyền.

7. Cục Quản lý thị trường tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương, các lực lượng chức năng, đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm OCOP kém chất lượng; hàng giả, hàng nhái; hàng hết hạn sử dụng,...

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận OCOP đối với cơ sở tham gia Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh; phát hiện và tiến hành xử lý đối với các cơ sở vi phạm theo quy định hiện hành.

8. Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tăng cường phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền và triển khai thực hiện Quy chế này.

9. UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế

a) Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn chủ thể OCOP thực hiện nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa tham gia Chương trình OCOP theo quy định của pháp luật.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các đơn vị sản xuất, kinh doanh sản phẩm OCOP; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn.

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế này trên địa bàn; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình quản lý sản phẩm OCOP; giải quyết khiếu nại, tố cáo, thu hồi giấy chứng nhận đạt chuẩn đối với các cơ sở thực hiện không đảm bảo quy định của Quy chế này, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về chất lượng sản phẩm OCOP trên địa bàn.

Điều 18. Đối với chủ thể OCOP

1. Đảm bảo điều kiện cần thiết: Nhân lực, cơ sở vật chất, kỹ thuật, tổ chức, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa do cơ sở sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố.

2. Thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan kiểm tra, giám sát và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Chấp hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này và biện pháp xử lý của các cơ quan kiểm tra, giám sát.

4. Thực hiện công bố lại khi có thay đổi về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Thực hiện các nội dung nêu tại Quy chế này và báo cáo cơ quan kiểm tra, giám sát khi được yêu cầu.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc hoặc phát hiện những nội dung cần bổ sung, sửa đổi, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục I
NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM OCOP VIỆT NAM VÀ
QUY CÁCH GẮN SAO CHO SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỨNG NHẬN OCOP
(Kèm theo Quyết định số 2151 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

LOGO QUY CHUẨN



KÍCH THƯỚC



LOGO VÀ VÙNG AN TOÀN



LOGO NHỎ NHẤT: 10X30MM



DƯƠNG BẢN IN MÀU ĐEN



ÂM BẢN IN NỀN MÀU



ÂM BẢN IN NỀN ĐEN



FONT CHỮ

Roboto Condensed - Bold

MÀU SẮC



C45
Y100

M80
K0

C100
Y100

M20
K20

C100
Y0

M70
K0

C0
Y100

M100
K0

C0
Y100

M40
K0

abcdefghijklmnopqrstuvwxyz
ABCDEFGHIJKLMNOPQRSTUVWXYZ
0123456789

1. Sản phẩm đạt 03 sao



2. Sản phẩm đạt 04 sao



3. Sản phẩm đạt 05 sao

